

# Nhận thức và hành vi vi phạm liêm chính học thuật của sinh viên tại một trường đại học ở Việt Nam

**Nguyễn Thành Long**

Trường Đại học Trà Vinh

**Đặng Hùng Vũ - Lê Thị Thiên Hương**

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận: 13/04/2022

Ngày nhận bản sửa: 05/06/2022

Ngày duyệt đăng: 22/06/2022

*Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát nhận thức và hành vi vi phạm liêm chính học thuật của sinh viên tại một trường đại học. Đây là một nghiên cứu ẩn danh với 957 hồi đáp của sinh viên thuộc 8 Khoa tại một trường đại học ở Việt Nam, được tiến hành trong năm 2021. Kết quả phân tích thống kê mô tả cho thấy có đến 94,5% sinh viên đã từng vi phạm 1 trong 21 hành vi được liệt kê. Từ 23% đến 37% sinh viên cho rằng các hành vi này không phải là vi phạm liêm chính*

## **An investigation on undergraduate students' academic dishonesty at a Vietnamese university**

**Abstract:** This study investigates undergraduate students' academic dishonesty at a university. This is an anonymous study of 957 responses from eight faculties at a Vietnamese university, conducted in 2021. The results show that up to 94.5% of students have ever violated at least 1 of the 21 listed behaviors. Between 23% and 37% of students did not consider these behaviors as academic dishonesty. Following behaviours happened more than once: working with others on an individual assignment; helping someone else cheat on a test; and copying from another student during a test with his or her knowledge. Research also shows that male students had more academic dishonesty than female students. Finally, discussion and managerial implications are presented.

**Key words:** academic dishonesty, academic integrity, undergraduate students, Vietnam.

**Nguyen, Thanh Long**

Email: ntlong@tvu.edu.vn

Tra Vinh University

**Dang, Hung Vu**

Email: dhvu@agu.edu.vn

An Giang University, VNUHCM

**Le, Thi Thien Huong**

Email: ltthuong@agu.edu.vn

An Giang University, VNUHCM

*học thuật. Vi phạm phổ biến diễn ra hơn một lần là: sinh viên làm bài tập trung khi yêu cầu là bài tập cá nhân; làm giúp, chỉ bài cho bạn khi kiểm tra; và xem bài bạn khi kiểm tra, được sự đồng ý của bạn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên nam vi phạm nhiều hơn nữ. Sau cùng, một số thảo luận và hàm ý quản trị được trình bày.*  
 Từ khoá: *liêm chính học thuật, sinh viên, vi phạm liêm chính, Việt Nam*

## 1. Giới thiệu

Liêm chính học thuật (*academic integrity*) được hiểu là cách hành xử ngay thẳng, trung thực và trong sạch trong hoạt động học thuật như học tập, giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động sáng tác, sáng tạo khác (Đặng Hùng Vũ & Nguyễn Thành Long, 2021). Tại một số trường đại học của Việt Nam, những hành vi sau đây được cho là vi phạm liêm chính học thuật, hay không trung thực học thuật (*academic dishonesty*): (1) đạo văn, (2) gian lận, (3) bịa đặt, (4) giúp đỡ không chính đáng và một số hành vi khác (Trường Đại học Hoa Sen, 2013; Trường Đại học Bách Khoa (ĐH ĐÀ NẴNG), 2017; Học viện Ngân hàng, 2019).

Tình trạng vi phạm liêm chính học thuật tại Việt Nam khá nghiêm trọng, dù đã được cảnh báo sớm (Phương Anh, 2010; Thu Quỳnh, 2019). Hiện tượng đạo văn trong giới hàn lâm, trong đó có tác giả ma (*ghostwriter*), có lẽ được nói đến nhiều nhất ở gần đây đều trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; những người liên quan có thể có học vị cao, làm quản lý; các biện pháp xử lý vi phạm học thuật trong các trường hợp này được cho là chưa thỏa đáng và kém nghiêm minh (Nghiêm Huệ, 2018; Kiến Văn, 2019; Nguyễn Minh Anh, 2019a, 2019b; Nhóm PV, 2019). Sự xuất hiện công khai của các trang web làm luận văn, luận án thuê cũng như các chợ luận văn, luận án như minh chứng cho tình hình liêm chính học thuật đang xấu đi mà chưa

có cách đối phó (Hiền Lê, 2018; Ngọc Mai, 2018; Thu Quỳnh, 2019; Thiên Ân, 2022). Vấn đề liêm chính học thuật được nhắc rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian gần đây. Nguyễn Kiều Dung (2022) bàn về liêm chính học thuật và những nguyên tắc cơ bản đối với Việt Nam. Phóng viên Nga Đỗ (2021) của Người Đô thị viết về hội thảo trực tuyến “Sự thật không phải sự thật: liêm chính học thuật vì một nền khoa học có trách nhiệm” do Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) tổ chức với diễn giả chính là GS Olivier Le Gall, Chủ tịch Hội đồng liêm chính học thuật Pháp (CoFIS). Arcana (2021) trên một diễn đàn Spiderum đưa ra quan điểm cá nhân về liêm chính học thuật và đạo văn. Khóa học MOOC “Liêm chính học thuật trong nghiên cứu khoa học” do Trường Đại học Bordeaux (Pháp) tổ chức trên hệ thống FUN-MOOC.fr của Bộ Giáo dục Đại học và Nghiên cứu Pháp, với đợt 3 diễn ra từ ngày 01/9/2020 đến ngày 31/8/2021. Nguyễn Thị Nga và Hoàng Thu Trang (2021) nhận xét những biểu hiện vi phạm liêm chính trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam hiện nay và kiến nghị một số giải pháp. An Nhiên (2021) chỉ ra bảy hành vi sai phạm phổ biến nhất trong liêm chính học thuật bao gồm: xé lẻ kết quả nghiên cứu, tô hồng kết quả, lạm dụng chữ kí, trích dẫn thiên vị, che giấu dữ liệu, dùng sai dữ liệu thống kê...

Tuy nhiên, trái với sự phong phú tin bài của phương tiện truyền thông, các nghiên cứu về chủ đề này còn ít, đặc biệt là thiếu

nghiên cứu thực nghiệm. Do vậy, cần nhiều hơn nữa các nghiên cứu về chủ đề này, đây cũng là lý do hình thành nghiên cứu, một nghiên cứu hỗn hợp định tính và định lượng, được thiết kế và triển khai tại một trường đại học ở Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm phân tích nhận thức và hành vi vi phạm liêm chính học thuật của sinh viên (SV), với các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Xác định và mô tả các hành vi vi phạm liêm chính học thuật trong SV;

Mô tả nhận thức đạo đức của SV đối với các hành vi này;

Mô tả môi trường học thuật (nguồn thông tin và chính sách liêm chính học thuật, hiện trạng vi phạm liêm chính học thuật và thái độ của người thân đối với các vi phạm đó) qua cảm nhận của SV;

Xác định quan hệ giữa các biến môi trường và biến cá nhân đối với hành vi vi phạm và nhận thức đạo đức.

Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện với đối tượng thu dữ liệu là các SV năm thứ 1, 2, 3, 4 thuộc các khoa, ngành khác nhau của một trường đại học tại Việt Nam.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Theo Trung tâm Quốc tế về liêm chính học thuật (International Center for Academic Integrity- ICAI, liêm chính học thuật là sự cam kết đối với 6 giá trị cơ bản: trung thực (*honesty*), tin cậy (*trust*), công bằng (*fairness*), tôn trọng (*respect*), trách nhiệm (*responsibility*) và dũng khí (*courage*). Các giá trị cơ bản này được 250 tổ chức học thuật trên khắp các châu lục chấp nhận (ICAI 2013, 2021). Theo sau các định nghĩa là liệt kê các hành vi vi phạm liêm chính học thuật hay không trung thực học

thuật như được trình bày tiếp sau.

Không có một định nghĩa tổng quát được thống nhất chung cho khái niệm không trung thực học thuật (*academic dishonesty*) (Maramark, 1993). Khái niệm này được tiếp cận bằng cách định danh sự vi phạm liêm chính học thuật thể hiện qua các nhóm hành vi sau: đạo văn, gian lận, bịa đặt, giúp đỡ không chính đáng và một số hành vi khác (Maramark, 1993; McCabe & Trevino, 1997; Canham, 2008; Ferguson, 2010; Akakandelwa, Jain, & Wamundila, 2013). Một số nghiên cứu còn dùng từ gian lận (*cheating*) chung cho tất cả hành vi vi phạm liêm chính học thuật (McCabe, Trevino, & Butterfield, 2001a; Jones, 2011). Các hành vi trên tương thích với các định nghĩa quy định, qui chế của một số trường đại học Việt Nam (Trường Đại học Hoa Sen, 2013; Trường Đại học Bách Khoa (ĐH ĐÀ NẴNG), 2017; Vũ Công Giao, 2018; Học viện Ngân hàng, 2019).

Trevino (1986) là một nghiên cứu có giá trị, đặt nền móng cho những nghiên cứu về ra quyết định đạo đức. Dựa trên mô hình phát triển nhận thức đạo đức của Kohlberg (1969), nghiên cứu của Trevino (1986) đưa ra một mô hình tương tác của việc ra quyết định đạo đức của tổ chức. Mô hình này nhấn mạnh sự tương tác của cá nhân và các yếu tố tình huống. Qua nhận thức tình huống, quyết định đúng sai, cá nhân sẽ phản ứng lại với các tình thế song đề (*dilemma*) với nhận thức xác định bởi giai đoạn phát triển nhận thức đạo đức của cá nhân đó. Các biến cá nhân như sức mạnh bản ngã, sự phụ thuộc vào môi trường và kiểm soát tâm lý cùng với những biến tình huống sẽ tương tác với nhận thức để xác định hành xử của cá nhân trước một song đề đạo đức. Mô hình này được áp dụng trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm về vi phạm liêm chính trong trường đại học, mà cụ thể là sinh viên, trong đó, nổi bật là các

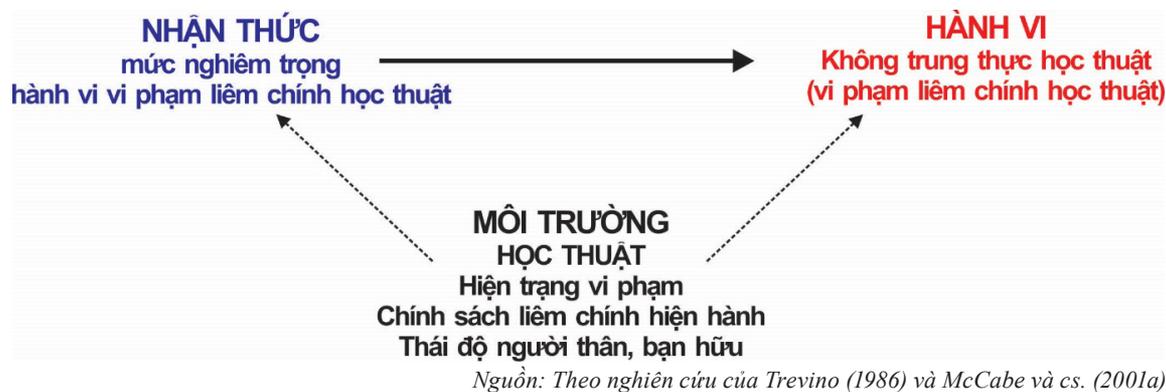
nguyên cứu của Giáo sư McCabe. McCabe là một học giả hàng đầu và có bề dày nghiên cứu liên chính học thuật trong các trường đại học, cao đẳng (McCabe & Trevino, 1997; McCabe, Trevino, & Butterfield, 2001b, 2002; McCabe, 2005; McCabe, Butterfield, & Trevino, 2006; McCabe, Feghali, & Abdallah, 2008). McCabe cùng các cộng sự đã tổng kết 10 năm nghiên cứu về chủ đề này của mình và đưa ra các kết luận (McCabe và cs., 2001a). Theo đó, gian lận có xu hướng gia tăng, ở trường có hoặc không có luật danh dự (honor code). Tuổi, giới, điểm trung bình, tham gia ngoại khóa là các biến cá nhân ảnh hưởng gian lận. Luật danh dự, sinh viên hiểu và chấp nhận chính sách liên chính học thuật, nhận thức rõ gian lận sẽ bị báo cáo, nhận thức mức nghiêm trọng của hình phạt, mức độ nhận thức của SV về hành vi gian lận của bạn học là biến bối cảnh ảnh hưởng hành vi gian lận. Biến bối cảnh cơ sở học thuật, nhất là hành vi gian lận của bạn học, việc không chấp nhận gian lận của bạn học, nhận thức mức nghiêm trọng của trừng phạt gian lận, có tác động mạnh nhất đến hành vi gian lận. Các cơ sở lớn hơn có xu hướng gian lận nhiều hơn. Các hành vi gian lận phổ biến theo thứ tự là cộng tác trái phép bài tập, sao chép 1,2 câu không ghi chú, sao chép khi thi, kiểm tra; dùng tài liệu (phao); đạo văn; giúp đỡ

người khác khi kiểm tra. Cuối cùng, các trường có luật danh dự có ít hành vi gian lận hơn. Giáo sư Linda Klebe Trevino là một trong những cộng sự của Giáo sư Don McCabe. Hai giáo sư có nhiều nghiên cứu chung (ví dụ như: McCabe và cs., 2001a, 2001b; McCabe và cs., 2002).

Nghiên cứu của Canham (2008) là một trong những nghiên cứu thực nghiệm khá công phu, kế thừa quan điểm của McCabe. Andrew A. Canham đã thực hiện một nghiên cứu kéo dài 3 năm, nhằm đánh giá liên chính học thuật và những nỗ lực để xây dựng liên chính học thuật của một trường đại học công lớn trong Hiệp hội các trường đại học có uy tín trong vùng Nam Mỹ. Nghiên cứu khảo sát cả SV và giảng viên (GV) của trường. Công cụ khảo sát được sử dụng trong nghiên cứu này là Bản hỏi khảo sát nhận thức liên chính học thuật (*The Academic Integrity Perceptions Survey*) của Giáo sư McCabe, Đại học Rutgers University và ICAI.

Dựa vào mô hình tương tác của việc ra quyết định đạo đức của tổ chức do Trevino (1986) và kết quả các nghiên cứu trước, đặc biệt là tổng kết của McCabe và cs. (2001a), khung cho nghiên cứu này được đề xuất như Hình 1.

**Hành vi không trung thực học thuật:** là các hành vi vi phạm liên chính học thuật mà SV đã thực hiện dưới 4 dạng: đạo văn



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

(hay trích dẫn), gian lận, bịa đặt và giúp đỡ không chính đáng.

**Nhận thức về liêm chính học thuật:** thể hiện qua đánh giá của SV về các hành vi không trung thực học thuật ở trên: là vi phạm hay không vi phạm; nếu vi phạm, là nghiêm trọng hay không nghiêm trọng.

**Môi trường học thuật:** Bao gồm các nhân tố bao quanh có ảnh hưởng đến hoạt động và nhận thức học tập của SV mà họ cảm nhận được: (1) chính sách liêm chính học thuật hiện hành của nhà trường: nguồn thông tin và lượng thông tin; mức nghiêm khắc và hiệu quả thi hành; (2) hiện trạng vi phạm trên thực tế; (3) mức nhận thức của các GV về liêm chính học thuật; (4) thái độ của bạn hữu đối với hành vi vi phạm. Môi trường học thuật còn mở rộng đến thái độ của cha mẹ- người tài trợ, dành nhiều kỳ vọng cho SV- đối với các hành vi này.

Ngoài ra các biến cá nhân: Giới, Năm học, Xếp loại học tập, Khoa theo học cũng có thể chi phối các hành vi, nhận thức và cảm nhận về môi trường học thuật của SV.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Thang đo

Khảo sát nhằm 3 mục tiêu tương ứng với 3 phần chính của bản khảo sát. Thang đo được thiết kế và tham khảo từ bản hỏi liêm chính học thuật dành cho SV của Canham (2008); một bản hỏi đã được thiết kế với hầu hết là câu hỏi đóng (trừ mục Khoa/ Ngành), gồm 3 phần chính.

Thứ nhất, khảo sát nhằm đánh giá cảm nhận của người học về môi trường học thuật [22 mục đo]. Trong đó, nguồn thông tin về liêm chính học thuật [9] với 3 mức độ rất ít, không nhiều và rất nhiều. Vai trò, hành động của giảng viên [4] và hiện trạng liêm chính học thuật: tần suất xuất hiện [3] hành vi với 5 mức Likert từ chưa bao giờ, hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên đến rất

thường xuyên. Hành vi tố giác liêm chính của SV [1]: có hay không. Hiệu quả chính sách liêm chính [5] với 5 mức độ Likert từ rất thấp, thấp, trung bình, cao đến rất cao.

Thứ hai, khảo sát đánh giá tần suất thực hiện với 3 mức (chưa bao giờ, một lần và hơn 1 lần) và nhận thức mức nghiêm trọng ở 4 mức (không vi phạm, không, khá và rất nghiêm trọng) của 21 hành vi vi phạm liêm chính học thuật [21x2 = 42 mục đo].

Thứ ba, khảo sát đánh giá cảm nhận của SV về thái độ của người thân: đồng tình, không phản đối, phản đối và phản đối mạnh mẽ hành vi vi phạm liêm chính của bạn hữu, cha mẹ và người thân khác [3]. Cuối cùng, thông tin cá nhân [04 mục đo]: Giới, năm học, điểm tích lũy (xếp loại học tập), khoa/ngành.

### 2.2.2. Mẫu và cách lấy mẫu

Mẫu được lấy phi xác suất và có hạn mức. Trước hết, việc lấy mẫu được sự đồng ý chính thức của Nhà trường qua phê duyệt văn bản đề nghị của nhóm nghiên cứu. Sau đó, cộng tác viên (là GV hoặc nhân viên) của Nhà trường sẽ xin phép GV và đến các lớp thuộc các Khoa một cách thuận tiện để trình bày tóm tắt mục tiêu nghiên cứu, cam kết về đạo đức, bảo đảm bí mật thông tin người dùng và mời SV tham gia trả lời bản hỏi.

Khảo sát được thực hiện bằng 1.000 bản giấy vào cuối năm 2021. Sau khi rà soát 995 bản hỏi thu về và làm sạch, có 957 hội đáp đạt yêu cầu phân tích. Phân bố mẫu theo thông tin cá nhân về tổng số là đạt yêu cầu phân tích. Ngoài ra, có thể thấy là:

Số SV của Khoa Kỹ thuật- Công nghệ môi trường (Kỹ thuật- CNMT) là nhỏ (40 ~ 4,3%), nhiều nhất là Khoa Kinh tế- Quản trị Kinh doanh (217 ~ 22,7%).

Số SV năm thứ nhất cũng nhỏ (43 ~ 4,5%) và tập trung ở Khoa Công nghệ Thông tin (CNTT) (38/43), SV năm thứ tư tập trung ở Khoa Luật (98/116).

Số SV xếp loại Giỏi (Điểm tích lũy 4,0 đến 3,6) không nhiều (59 ~ 6,2%).

Nhìn chung, mẫu đạt yêu cầu cho phân tích. Cấu trúc này có thể đại diện cho các khoa của trường. Lưu ý rằng (ngoài biến Khoa/Ngành) dữ liệu được mã hóa theo qui tắc áp số nguyên liên tiếp từ 1 trở đi cho các trả lời tuần tự từ vị trí trái sang phải cho tất cả các biến.

### 2.2.3. Phương pháp phân tích

Các phương pháp thống kê mô tả, phân tích khác biệt và quan hệ cho các biến định danh (nominal) và thứ tự (ordinal) (Kiểm định Chi-square, Kendall's Tau-b...) và kiểm định khác biệt trung bình T-Test sẽ được dùng cho nghiên cứu.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Môi trường và chính sách liên chính học thuật

Theo đánh giá của SV tham gia khảo sát, có 40% SV cho rằng hiện tượng gian lận trong thi, kiểm tra diễn ra thường xuyên, trong khi chỉ 26% SV cho rằng hiếm gặp hoặc chưa bao giờ. Mức độ vi phạm thường xuyên theo sau là đạo văn, sao chép (26%) và chỉ vài SV làm bài tập nhóm (22%).

SV đánh giá cao về nhiều mặt của chính sách hiện hành liên quan đến liên chính học thuật (từ 30% đến 70%). Tuy vậy, có thể thấy, có khoảng cách đáng kể giữa mức nhận thức của giáo viên (GV) về chính sách, mức nghiêm khắc xử lý gian lận (Cao: 70%, 56%) so với mức hiệu quả của chính sách và nhận thức của SV về chính sách (Cao: 41% và 38%). Nói khác đi, mức ủng hộ và nhận thức của SV về chính sách liên chính không cao (>50% từ trung bình trở xuống).

Thái độ của người xung quanh ngoài bạn học gồm anh em, cha mẹ đối với hành vi

vi phạm liên chính (nếu có) của SV không phải là yếu tố môi trường học thuật, nhưng vì quan hệ gia đình rất gần, có thể ảnh hưởng nhất định với hành vi, nhận thức đạo đức của SV nên được đưa vào chung nhóm này. Có thể thấy, cha mẹ là người phản đối cao nhất (85%), ngược với bạn học có mức phản đối thấp nhất (56%). Lưu ý rằng vẫn có 4% đến 5% người thân đồng tình, tỉ lệ này ở bạn học là 10%.

### 3.2. Vi phạm liên chính học thuật

#### 3.2.1. Các hành vi vi phạm liên chính đã thực hiện

Bảng 1 trình bày danh mục các hành vi vi phạm liên chính theo tỉ lệ % thực hiện hơn 1 lần giảm dần. Tất cả các dạng hành vi đều được thực hiện, đáng chú ý là còn nhiều hình thức gian lận khác chưa được đề cập trong nghiên cứu (có 19% SV ghi nhận mình đã thực hiện các hành vi gian lận khác).

Ba hành vi phổ biến nhất (hơn một lần: 46% đến 57%) có tính chất đơn giản, dễ thực hiện và dễ được sự đồng thuận của đối tác. Kế đến là các hành vi sao chép bằng nhiều hình thức, phương tiện (hơn một lần: 17 đến 30%). Các hành vi gian lận dùng thiết bị, phao trong khi thi dù ít được thực hiện nhất nhưng cũng có từ 6% đến 9% đã thực hiện một lần và 5% đến 9% thực hiện hơn 1 lần.

Tuy nhiên, thống kê cũng cho thấy có tất cả 52 SV (~5,5%) chưa bao giờ thực hiện hành vi vi phạm nào. Điều này có nghĩa là có đến 94,5% SV đã từng vi phạm (ít nhất 1 lần) trong 21 hành vi được liệt kê.

#### 3.2.2. Nhận thức mức nghiêm trọng của các hành vi vi phạm liên chính

Bảng 1 cũng trình bày nhận thức về mức độ của hành vi vi phạm từ Không phải là gian lận cho đến Rất nghiêm trọng.

- Khoảng một nửa SV (46% đến 56%) cho rằng 15/21 hành vi (sử dụng phao; không làm, dùng kết quả của người khác mà không hỏi ý kiến, copy không dẫn nguồn) là Nghiêm trọng/Rất nghiêm trọng.
- Tuy vậy, cũng có đến 1/3 SV (24% đến 34%) cho rằng 15/21 hành vi đó là không vi phạm liêm chính học thuật.
- Có đến 07 hành vi liên quan đến xem bài bạn khi kiểm tra, sao chép... gần như có sự

đồng thuận của đối tác được 1/3 đến 1/2 SV (30% đến 50%) cho rằng không nghiêm trọng.

- Khoảng 1/3 đến 1/5 (16% đến 37%) SV lại cho rằng 21/21 hành vi đó không phải là hành vi gian lận.

### 3.3. Quan hệ giữa nhận thức đạo đức và tần suất vi phạm

**Bảng 1. Nhận thức và tần suất hành vi vi phạm liêm chính**

*Đơn vị: %*

	Tần suất			Nhận thức		
	Chưa bao giờ	Một lần	Hơn một lần	Không vi phạm	Không nghiêm trọng	>= Nghiêm trọng
Làm BT chung khi yêu cầu cá nhân	27	16	57	23	50	26
Làm giúp, chỉ bài cho bạn khi KT	32	19	49	16	38	45
Xem bài bạn khi KT, được ĐỒNG Ý	31	23	47	18	40	42
Copy từ Internet không dẫn nguồn	50	20	30	23	29	48
Sao chép BT về nhà của bạn bằng TAY	50	22	28	25	38	37
Copy từ sách, báo, tạp chí (GIẤY) không dẫn nguồn	56	19	25	25	26	49
Lấy bài giải và đề KT của lớp khác để chuẩn bị	58	18	24	30	30	41
Sao chép BT về nhà của bạn bằng PC, Zalo	59	17	24	29	34	37
Sao chép một phần bài làm của người khác	58	25	17	24	25	51
Nhờ người khác làm hộ BT về nhà	71	15	14	33	26	41
Sử dụng tin nhắn, Zalo để nhờ làm giúp khi KT	74	13	13	32	17	51
Sửa, làm giả dữ liệu khi làm BT, BC	76	11	12	32	18	50
Đưa lý do giả tạo để nộp bài trễ hạn	75	12	12	32	21	46
Xem bài bạn khi KT, không được ĐỒNG Ý	79	10	11	35	19	46
Gian lận khác	81	9	10	34	12	54
Sử dụng bài làm cũ của người khác đã nộp	76	15	9	35	15	50
Sử dụng tài liệu viết tay không được phép khi thi	80	11	9	34	10	56
Không làm, sử dụng bài người khác để nộp	84	9	8	36	12	52
Sử dụng thiết bị điện tử khi thi	85	8	7	36	9	55
Sử dụng tài liệu trong bộ nhớ thiết bị điện tử khi thi	86	8	6	35	10	55
Mua các bài làm để nộp	89	6	5	37	10	53

*Ghi chú: Cột phải (>=Nghiêm trọng) ở Bảng 1 là kết quả gộp Nghiêm trọng và Rất nghiêm trọng.*

*Nguồn: Kết quả nghiên cứu*

Quan hệ giữa hai biến nhận thức đạo đức [Không phải vi phạm đến Nghiêm trọng] và hành vi vi phạm [Chưa bao giờ đến Hơn một lần] được kỳ vọng là **ngịch chiều (-)**. Kết quả kiểm định bằng các chỉ tiêu Kendall's Tau-b, Somers' d, gamma và đối chiếu với bảng tỉ lệ % cho thấy 19/21 mối quan hệ- dù có mức liên kết không cao- nhưng có tính thuận chiều (+), trái với kỳ vọng. Nghĩa là, nhận thức mức nghiêm trọng càng cao, SV càng có xu hướng vi phạm. Điều này có vẻ trái với lý thuyết, nhưng cũng có thể biện minh được, sẽ trình bày thêm ở phần thảo luận.

### 3.4. Quan hệ giữa Môi trường học thuật đối với tần suất Vi phạm và Nhận thức đạo đức

Đây là các biến ordinal, nên các kiểm định qua các chỉ số Kendall's Tau-b, Somers' d, gamma và đối chiếu với bảng tỉ lệ % được dùng.

#### 3.4.1. Quan hệ giữa môi trường học thuật với tần suất hành vi vi phạm.

Kết quả kỳ vọng cho các mối quan hệ này như sau:

- *Hiện trạng vi phạm* [càng thường xuyên] quan hệ **thuận chiều (+)** với tần suất vi phạm [càng nhiều lần]. Để phục vụ phân tích quan hệ, 03 biến hiện trạng: (1) Gian lận trong thi, kiểm tra, (2) Đạo văn, sao chép, (3) Chỉ vài SV làm bài tập nhóm được tổng hợp thành một biến đơn là Hiện trạng không trung thực/Hiện trạng vi phạm đã đề cập ở mục 3.2.1.

- *Các yếu tố chính sách* (1) Mức nghiêm khắc của chính sách, (2) Hiệu quả của chính sách, (3) Nhận thức của GV về chính sách được [nghiêm túc, hữu hiệu, sâu sắc] có quan hệ **ngịch chiều (-)** với tần suất vi phạm [càng nhiều lần].

- *Thái độ dung chấp* hành vi vi phạm của bạn hữu, cha mẹ [càng không phản đối,

đồng tình] quan hệ **thuận chiều (+)** với tần suất vi phạm [càng nhiều].

Vài nhận định sau được rút ra từ kết quả kiểm định như sau:

- Mức phổ biến hiện tượng vi phạm liên chính trong môi trường học tập mà SV cảm nhận được quan hệ thuận chiều với tần suất thực hiện của tất cả 21 hành vi vi phạm.

- Ba yếu tố: sự nghiêm túc, hiệu quả thực thi của chính sách liên chính và nhận thức cao của GV có mối quan hệ nghịch chiều với tần suất thực hiện của 12 đến 15 trong số 21 hành vi vi phạm; trong đó, ba yếu tố chính sách không có ảnh hưởng gì đến 04 hành vi sao chép bài tập về nhà hay copy từ internet, sách, báo không dẫn nguồn. Nhận thức của GV về chính sách cho thấy có quan hệ mạnh và rộng nhất đến các hành vi.

- Đúng như kỳ vọng, thái độ dung chấp/phản đối của bạn hữu và cha mẹ đối có quan hệ ngược chiều với tần suất vi phạm; chấp nhận càng cao, vi phạm càng nhiều. Có thể thấy vai trò của cha mẹ (có ý nghĩa ở 19/21 hành vi) mạnh hơn vai trò của bạn học (có ý nghĩa ở 12/21).

#### 3.4.2. Quan hệ giữa môi trường học thuật với nhận thức đạo đức về hành vi vi phạm

Kết quả kỳ vọng về các mối quan hệ này như sau:

- *Hiện trạng vi phạm* [càng thường xuyên/phổ biến] quan hệ **ngược chiều (-)** với nhận thức mức nghiêm trọng của hành vi vi phạm [càng cho rằng không nghiêm trọng/không phải vi phạm].

- *Các yếu tố chính sách* (1) Mức nghiêm khắc của chính sách, (2) Hiệu quả của chính sách, (3) Nhận thức của GV về chính sách được [nghiêm túc, hữu hiệu, sâu sắc] có quan hệ **thuận chiều (+)** nhận thức mức nghiêm trọng của hành vi vi phạm [càng cho rằng nghiêm trọng].

Kết quả kiểm định cho thấy:

- Hiện trạng vi phạm liên chính học thuật

không có quan hệ có ý nghĩa nào với tất cả 21 hành vi vi phạm.

- Trong ba yếu tố: sự nghiêm túc, hiệu quả thực thi của chính sách liêm chính và nhận thức cao của GV, chỉ có nhân tố sau cùng là có mối quan hệ nhưng lại nghịch chiều- trái kỳ vọng- với nhận thức đạo đức về hành vi vi phạm.

- Dù được đánh giá là có nhiều nguồn thông tin có khối lượng đáng kể, kết quả kiểm định bác bỏ quan hệ mức hiểu biết của SV về liêm chính học thuật với nhận thức đạo đức của họ về hành vi vi phạm.

### 3.5. Các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi trong liêm chính học thuật

Các biến cá nhân được phân tích quan hệ ở đây gồm: (1) Giới, (2) Năm học, (3) Xếp loại/Điểm tích lũy

*Giới:* Kiểm định khác biệt tần suất thực hiện các hành vi vi phạm bằng Chi-square cho thấy SV nam có tần suất vi phạm cao hơn nữ (09/21 hành vi). SV nam một mặt đánh giá 02 hành vi sao chép không dẫn nguồn, sử dụng bài làm cũ nghiêm trọng hơn SV nữ; một mặt lại cho rằng 02 hành vi mua bài làm, dùng phao lại ít nghiêm trọng hơn SV nữ.

*Năm học:* Do số lượng SV năm thứ nhất ít, phân tích này chỉ kiểm định quan hệ cho các SV năm thứ hai, ba và tư. Do đây là các biến ordinal, nên kiểm định được dùng là quan hệ biến ordinal với chỉ số Kendall's Tau-b, Kendall's Tau-b, Somers' d, gamma và đối chiếu với bảng tỉ lệ % được dùng. Để làm rõ hơn mối quan hệ, kiểm định T-Test cũng được sử dụng để kiểm định khác biệt giữa các cặp nhóm- khi đó các biến thực hiện hành vi và nhận thức đạo đức được xem là định lượng.

Các mối quan hệ được kỳ vọng như sau:

- SV năm cao hơn có tần suất vi phạm thấp

hơn, nghĩa là quan hệ **ngịch chiều (-)** giữa tần suất vi phạm và số năm SV theo học.

- SV năm cao hơn có nhận thức đạo đức mức vi phạm cao hơn nghĩa là quan hệ **thuận chiều (+)** giữa mức độ nhận thức về sự nghiêm trọng của các hành vi vi phạm liêm chính học thuật với số năm SV theo học.

Kết quả kiểm định cho thấy như sau:

- Nhìn chung, tần suất vi phạm của SV giữa các năm có khác biệt nhưng không quá nhiều. Chỉ có 04/21 hành vi được khẳng định có mối quan hệ, nhưng 03/04 là thuận chiều- trái với kỳ vọng, hàm ý SV năm cao hơn vi phạm nhiều hơn SV năm thấp hơn. Kiểm định Chi-square khẳng định thêm sự khác biệt ở 05 hành vi khác. Đối chiếu với số liệu tỉ lệ %, có thể thấy SV năm thứ ba có tần suất vi phạm cao nhất, gần đó là SV năm thứ tư, hai nhóm này có khoảng cách khác biệt đáng kể so với SV năm thứ hai.

- Về nhận thức đạo đức các vi phạm, 12/21 hành vi được khẳng định có mối quan hệ với năm học, nhưng là nghịch chiều- trái với kỳ vọng, nghĩa là SV năm cao hơn xem các vi phạm ít nghiêm trọng hơn các SV năm thấp hơn. Kiểm định Chi-square khẳng định sự khác biệt giữa các nhóm trong 09/21 hành vi còn lại. Đối chiếu tỉ lệ %, có thể nhận ra SV năm thứ ba có nhận thức đạo đức nghiêm túc nhất, theo sát là SV năm thứ hai; hai nhóm này có khoảng cách đáng kể với SV năm thứ tư.

*Xếp loại học tập/ Điểm tích lũy:* Do số lượng SV xếp loại giỏi (Điểm tích lũy: 4,0 đến 3,6) không nhiều, nên nhóm này được gộp vào nhóm tiếp theo (Điểm tích lũy: dưới 3,6 đến 3,2) để trở thành nhóm A= [Khá, Giỏi]. Hai nhóm còn lại được ký hiệu là B= Trung bình (Điểm tích lũy: dưới 3,2 đến 2,5) và C= Yếu (Điểm tích lũy dưới 2,5). Do đây là các biến ordinal, nên kiểm định được dùng là quan hệ biến ordinal với chỉ số Kendall's Tau-b, Kendall's Tau-b, Somers' d, gamma và đối chiếu với bảng tỉ

lệ % được dùng. Để làm rõ hơn mối quan hệ, kiểm định T-Test cũng được sử dụng để kiểm định khác biệt giữa các cặp nhóm- khi đó các biến thực hiện hành vi và nhận thức đạo đức được xem là định lượng.

Các mối quan hệ được kỳ vọng như sau:

- SV xếp loại thấp hơn có tần suất vi phạm cao hơn, nghĩa là quan hệ **thuận chiều** (+) giữa tần suất vi phạm và xếp loại học lực của sinh viên.

- SV xếp loại thấp hơn có nhận thức đạo đức mức vi phạm thấp hơn (ít nghiêm trọng hơn) nghĩa là quan hệ **ngịch chiều** (-) giữa mức độ nhận thức về sự nghiêm trọng của các hành vi vi phạm liên chính học thuật với xếp loại học lực của sinh viên.

Kết quả kiểm định cho thấy như sau:

- Nhìn chung, tần suất vi phạm của SV giữa các loại A,B,C có khác biệt khá nhiều. Có 07/21 hành vi được khẳng định có mối quan hệ, trong đó, 02/07 (Mua các bài làm để nộp, Đưa lý do giả tạo để nộp bài trễ hạn) là nghịch chiều- trái với kỳ vọng, hàm ý SV xếp loại cao hơn vi phạm nhiều hơn SV xếp loại thấp hơn. Kiểm định Chi-square khẳng định thêm sự khác biệt ở 06 hành vi khác. Nghĩa là, có những hành vi SV loại A đứng đầu tần suất vi phạm, có những hành vi khác thì SV loại B hoặc C đứng đầu. Nhìn chung, đối chiếu tỉ lệ %, có thể nhận thấy SV loại A có hành vi vi phạm nhiều hơn hai nhóm SV loại B. Kết luận này, ở góc độ tổng quát, là trái với kỳ vọng.

- Về nhận thức đạo đức các vi phạm, 12/21 hành vi được khẳng định có mối quan hệ nghịch chiều với xếp loại- đúng với kỳ vọng, nghĩa là SV xếp loại cao hơn xem các vi phạm nghiêm trọng hơn các SV xếp loại thấp hơn. Kiểm định Chi-square khẳng định sự khác biệt giữa các nhóm trong 03/21 hành vi còn lại. Đối chiếu với tỉ lệ %, có thể thấy SV loại A, B, C nhận thức đạo đức về vi phạm có mức nghiêm túc giảm dần.

### 3.6. Khác biệt giữa các Khoa

Các yếu tố sau đây được đưa vào phân tích khác biệt giữa các Khoa: (1) Môi trường liên chính: Nguồn thông tin; Vai trò GV trong phổ biến quy định; Hiện trạng vi phạm; Nhận định về chính sách; (2) Tần suất vi phạm của SV; (3) Nhận thức đạo đức về hành vi vi phạm. Kiểm định quan hệ biến ordinal-nominal với chỉ số Chi-square được thực hiện, mối quan hệ được khẳng định với mức ý nghĩa  $p < 0,05$  và số ô có tần suất kỳ vọng  $< 20\%$ .

Kết quả kiểm định cho thấy có đến 20/21 hành vi vi phạm có khác biệt giữa các Khoa về tần suất thực hiện hành vi vi phạm. Hành vi duy nhất không khác biệt là Copy từ sách, báo, tạp chí... mà không dẫn nguồn. Qua đó, có thể thấy khoảng cách tương đối giữa Khoa có tần suất cao nhất và tần suất thấp là không quá nhỏ ( $\max = 0,9$ ,  $\min = 0,5$ ). Xếp thứ tự từ vi phạm ít đến nhiều như sau: (1) Ngoại ngữ, (2) Du lịch VHNT, Kỹ thuật- CNMT, (3) Luật, (4) CNTT và Kinh tế- QTKD, (5) Nông nghiệp- TNTN và Sư phạm.

Kết quả kiểm định cho thấy có đến 21/21 hành vi vi phạm có khác biệt giữa các Khoa về nhận thức đạo đức hành vi vi phạm. Có thể thấy SV của hai Khoa Sư Phạm và Kỹ thuật- CNMT có nhận thức về vi phạm liên chính học thuật cao nhất (2,2 và 2,0), có khoảng cách đáng kể so với nhóm giữa là Kinh tế- QTKD, Ngoại ngữ, CNTT và Nông nghiệp- TNTN (1,7 đến 1,5), nhóm nhận thức dễ dãi nhất là Luật (1,3) và Du lịch- VHNT (1,2).

### 3.7. Thảo luận

3.7.1. Vi phạm liên chính học thuật: hành vi và nhận thức đạo đức

Tần suất thực hiện hành vi vi phạm: Như trên đã đề cập, việc kết luận cao hay thấp

cần phải có đối sánh- nhất là đối với các trường đại học ở Việt Nam. Tuy nhiên, tần suất vi phạm hơn 1 lần trải dài từ thấp nhất là mua các bài làm để nộp (5%) đến cao nhất là làm bài tập chung khi yêu cầu cá nhân (57%) cho thấy mức độ khá phổ biến của hành vi vi phạm. Con số chỉ khoảng 5,5% SV chưa từng vi phạm cũng rất đáng chú ý.

Cũng có thể tham khảo một vài số liệu từ các nghiên cứu nước ngoài: Tỷ lệ SV ngành kinh doanh gian lận ít nhất một lần của: (1) Ba Lan là 85%, Mỹ là 55% (Lupton, Chapman, & Weiss, 2000); (2) SV Hong Kong là 30%, Hoa Kỳ là 55% (Chapman & Lupton, 2004); (3) SV Botswana và Zambia là 70% (Akakandelwa và cs., 2013). Có thể thấy tần suất vi phạm được báo cáo từ nghiên cứu này là không nhỏ hơn.

*Nhận thức đạo đức về hành vi vi phạm:* Tỷ lệ SV cho rằng các hành vi vi phạm không phải là vi phạm rất đáng quan tâm (min= 23%: Copy từ Internet không dẫn nguồn; max= 37%: Mua các bài làm để nộp). Điều này có thể là thể hiện nỗ lực tâm lý trung hòa các hành vi sai trái. Lưu ý rằng, các yếu tố: (1) hiện trạng vi phạm; (2) mức nhận thức của GV về chính sách và mức nghiêm khắc của chính sách; mức hiệu quả của chính sách; (3) hiệu quả truyền thông từ các nguồn thông tin về liêm chính không có tác động ý nghĩa nào đến nhận thức đạo đức của SV.

*Quan hệ giữa hành vi vi phạm và nhận thức đạo đức:* Kết quả kiểm định cho thấy tần suất vi phạm này lại có quan hệ trái kỳ vọng với nhận thức đạo đức, nghĩa là *nhận thức càng nghiêm trọng, vi phạm càng nhiều*. Rõ ràng, SV biết hành vi này là không đúng mực về đạo đức, nhưng vẫn thực hiện. Điều này có thể vì: (1) lợi ích mang đến từ vi phạm; (2) sự thúc đẩy của hiện trạng vi phạm diễn ra chung quanh.

Tuy nhiên, như đã nêu trên, các SV cho

rằng **Không phải vi phạm** có tần suất vi phạm **thấp nhất**- trái lý thuyết; nhưng ở 2 nhóm còn lại, SV cho rằng **Nghiêm trọng** có tần suất vi phạm **thấp hơn Không nghiêm trọng**- phù hợp lý thuyết. Một giả thuyết có thể đưa ra: có tỉ lệ nhất định các hồi đáp của nhóm SV, cho rằng Không vi phạm nhưng lại Chưa bao giờ vi phạm trên thực tế đã từng vi phạm (1 lần hoặc hơn 1 lần). Động cơ trả lời không thật lòng có thể do e ngại. Nếu giả thuyết này là đúng, mối quan hệ sẽ trở nên phù hợp lý thuyết, tương tự như một số nghiên cứu trước (Nonis & Swift, 2001; Landa-Blanco, Santos-Midence, & Blanco, 2020). Trong trường hợp này, tỉ lệ SV gian lận sẽ cao hơn, nghĩa là, thực trạng vi phạm liêm chính học thuật là trầm trọng hơn.

### 3.7.2. Vi phạm liêm chính và các nhân tố bối cảnh: chính sách và truyền thông

*Chính sách liêm chính học thuật- quan hệ với hành vi và nhận thức:* SV đánh giá cao mức nhận thức của GV về chính sách (70%) và mức nghiêm khắc của chính sách (56%), nhưng đánh giá không cao mức hiệu quả của chính sách (tỉ lệ đánh giá gộp trung bình và thấp tương ứng là 59%).

Ba yếu tố chính sách này có ảnh hưởng tích cực, quan hệ nghịch biến với tần suất vi phạm của SV, trong đó, vai trò của GV là nổi trội. Tuy nhiên, trong ba yếu tố này, chỉ có nhận thức của GV về chính sách có ảnh hưởng đến nhận thức đạo đức về (06) hành vi vi phạm nhưng lại trái chiều kỳ vọng. Nói khác đi, đánh giá tích cực của SV về chính sách không có ảnh hưởng tích cực nào đến nhận thức đạo đức về hành vi vi phạm liêm chính.

### 3.7.3. Vi phạm liêm chính và các nhân tố bối cảnh: thái độ bạn hữu và người thân

*Hiện trạng vi phạm của bạn hữu:* Trước hết, đây chỉ là kết quả cảm nhận của SV

qua quan sát, tương tác trong nhà trường, nên khó có thể kết luận khi số SV cho rằng các hiện tượng vi phạm diễn ra thường xuyên: 25%, thỉnh thoảng: 38% là cao hay thấp. Tuy nhiên thể nói là không nhỏ và rất đáng quan tâm. Có thể tham khảo số liệu của vài nghiên cứu trước: 85% SV Ba Lan và 61% SV Mỹ đã từng bắt gặp bạn học gian lận khi thi (Lupton và cs., 2000); cũng tỉ lệ 61% SV kinh doanh Mỹ bắt gặp người khác gian lận (Chapman & Lupton, 2004); SV Botswana và Zambia có 95% biết bạn mình gian lận bài về nhà và 91% phát hiện người khác gian lận khi thi cử (Akakandelwa và cs., 2013).

Hiện trạng vi phạm (càng thường xuyên/phổ biến) có quan hệ thuận chiều với tần suất vi phạm mà SV thực hiện (càng nhiều lần) ở tất cả 21 hành vi, nhất là các hành vi dễ thực hiện khi làm các nhiệm vụ, bài tập ở nhà. Điều này cũng xảy ra ở nhiều trường đại học khác (McCabe và cs., 2008; Akakandelwa và cs., 2013; Yang, Chiang, & Huang, 2017). Như vậy, hành vi gian lận, nếu không được kiểm soát và khống chế, có khả năng lây lan.

Lưu ý rằng các hiện tượng vi phạm không có quan hệ với nhận thức đạo đức của SV về hành vi vi phạm.

*Sự dung chấp hành vi vi phạm của người thân:* Điểm đáng chú ý ở đây là có 4% cha mẹ, 5% anh em, họ hàng và 10% bạn hữu đồng tình với hành vi vi phạm; gộp tỉ lệ này với tỉ lệ Không phản đối, con số tương ứng có 03 nhóm đối tượng sẽ là 15%, 28% và 44%. Kết quả kiểm định cũng cho thấy sự dung chấp càng cao, tần suất vi phạm càng nhiều.

Rõ ràng, thái độ và quan điểm của người thân có ảnh hưởng nhất định đến hành vi. Ảnh hưởng thái độ của bạn hữu đến hành vi phi liêm chính học thuật là khá nhất quán với tác động của hiện trạng vi phạm mà SV cảm nhận vừa đề cập. Nhưng đối

với cha mẹ và họ hàng có mức không phản đối như nói trên có thể là một vấn đề xã hội đáng quan tâm, vì 15% (cha mẹ) hay 28% (họ hàng, anh em) có thể nói là không hề nhỏ. Rõ ràng, liêm chính là vấn đề không chỉ trong phạm vi học thuật và học đường.

#### 3.7.4. Phi liêm chính học thuật và các biến cá nhân

*Giới:* SV nam có tần suất vi phạm cao hơn nữ. Kết quả này tương đồng với vài nghiên cứu ở nước ngoài, khẳng định sinh viên nam vi phạm nhiều hơn (Nonis & Swift, 2001; Chapman & Lupton, 2004). Về nhận thức đạo đức hành vi vi phạm, nói chung, không có khác biệt đáng chú ý theo giới tính.

*Năm học:* Kết quả phân tích cho thấy SV năm 3 và năm 4 có tần suất gian lận cao hơn sinh viên năm 2 (SV năm 1 quá ít nên không đưa vào phân tích). Kết quả trong một số nghiên cứu trước là tương tự, SV trẻ hơn thường gian lận nhiều hơn (Haines, Diekhoff, LaBeff, & Clark, 1986; McCabe & Trevino, 1997; Nonis & Swift, 2001; Ferguson, 2010). Về nhận thức đạo đức, SV năm 2 và 3 có nhận thức đạo đức nghiêm túc hơn SV năm 4.

*Điểm tích lũy:* Điều đáng chú ý ở đây là SV xếp loại cao hơn có tần suất vi phạm cao hơn- trái với kỳ vọng cũng như kết quả một số nghiên cứu trước. Cũng có khả năng các SV xếp loại thấp hơn đã giảm thiểu tần suất của mình khi trả lời bảng hỏi như đã thảo luận ở trên. Về nhận thức đạo đức, nếu giả thuyết này đúng, nó khá nhất quán với kết quả kiểm định cho thấy SV xếp loại càng cao càng có nhận thức nghiêm túc.

## 4. Kết luận và khuyến nghị

### 4.1. Chính sách liêm chính học thuật và truyền thông chính sách

Chính sách liêm chính học thuật dành cho SV là nhân tố quan trọng và có ý nghĩa đối với hành vi liêm chính của họ. Ở thời điểm hiện tại, các quy định của Bộ Giáo dục- Đào tạo còn rất chung chung, trong khi đó, quy định của nhà trường là chưa có, và hiện tượng vi phạm liêm chính học thuật trong SV là khá phổ biến, đa dạng và rất đáng quan tâm. Do đó, để giảm thiểu hiện tượng tiêu cực này, cần thiết phải có một chính sách cụ thể ở cấp Trường, trong đó: (1) định nghĩa, phân loại, phân cấp các hành vi phi liêm chính, (2) thang bậc xử lý các vi phạm, (3) quy trình thủ tục xử lý các vi phạm.

Các kênh chính thức vẫn là các kênh hiệu quả nhất cho truyền thông đến SV. Nhà trường cần rà soát lại nội dung, phương thức tương tác giữa lãnh đạo khoa, GV chủ nhiệm, trợ lý học vụ để có thể đưa thông tin, chủ đề về chính sách liêm chính một cách rõ ràng hơn, cụ thể hơn. Truyền thông không chỉ hướng đến SV mà đến thành viên trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

#### **4.2. Thực thi chính sách và kiểm soát liêm chính học thuật**

#### **Tài liệu tham khảo**

- Akakandelwa, A., Jain, P., & Wamundila, S. (2013). *Academic dishonesty: A comparative study of students of library and information science in Botswana and Zambia*. *Journal of Information Ethics*, 22(2), 137-150.
- An Nhiên. (2021). *Điểm tên 7 hành vi gian dối về liêm chính học thuật*. *Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh*. <https://plo.vn/giao-duc/diem-ten-7-hanh-vi-gian-doi-ve-liem-chinh-hoc-thuat-1002854.html>
- Arcana. (2021). *Liêm chính học thuật và đạo đức: Một cái nhìn tổng quan*. *Spiderum*. <https://spiderum.com/bai-dang/Liem-chinh-hoc-thuat-va-dao-van-Mot-cai-nhin-tong-quan-wzm>
- Canham, A. A. (2008). *Evaluating academic integrity and outreach efforts: Changes in perceptions over a three-year period* [Texas Tech University].
- Chapman, K. J., & Lupton, R. A. (2004). *Academic dishonesty in a global educational market: A comparison of Hong Kong and American university business students*. *International Journal of Educational Management*, 18(7), 425-435.
- Đặng Hùng Vũ, & Nguyễn Thành Long. (2021). *Đánh giá liêm chính học thuật của sinh viên qua nhận thức của sinh viên về môi trường học thuật và hành vi không trung thực học thuật*. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh Tế Và Quản Trị Kinh Doanh*, 16(1), 46-63.
- Ferguson, L. M. (2010). *Student self-reported academically dishonest behavior in two-year colleges in the State of Ohio* [University of Toledo].
- Haines, V. J., Diekhoff, G. M., LaBeff, E. E., & Clark, R. E. (1986). *College cheating: Immaturity, lack of commitment, and the neutralizing attitude*. *Research in Higher Education*, 25(4), 342-354.

Chính sách chỉ có hiệu quả thực sự khi được thực thi nghiêm túc.

Các vi phạm, tất nhiên, cần xử lý nghiêm, nhưng cũng cần thận trọng và lắng nghe tiếng nói biện hộ của SV- vì dù sao, nhà trường vẫn là môi trường giáo dục. Nghiên cứu vận dụng quy trình xử lý đã ban hành của các đại học khác là một gợi ý.

#### **4.3. Vai trò của giáo viên và đề cương môn học, vai trò của Khoa**

Căn cứ chính sách chung của nhà trường, GV nên có quy định cụ thể cho đề cương chi tiết học phần của mình về liêm chính cho các bài tập về nhà (cá nhân/nhóm), dự án, kiểm tra/thi mà SV phải thực hiện. GV phải là người thực thi nghiêm túc, công bằng, minh bạch các quy định đó, tập trung vào ngăn ngừa vi phạm liêm chính, động viên sự chính trực trong mỗi SV và tập thể lớp học. Nhà quản lý cũng như GV cũng có thể tham khảo kết quả nghiên cứu này để quan tâm hơn đến các hành động quản trị và giáo dục.■

- Hiền Lê. (2018). Nhức nhối vấn nạn học hộ, thi hộ trên giảng đường đại học (22/08/2018). Retrieved 30/12/2019 from <https://giaoduc.net.vn/tieu-diem/nhuc-nhoi-van-nan-hoc-ho-thi-ho-tren-giang-duong-dai-hoc-post189045.gd>
- Học viện Ngân hàng. (2019). Quyết định số 119/QĐ-HVNH. Ngày 20/02/2019. Ban hành Quy định liêm chính học thuật của Học viện Ngân hàng”.
- ICAI. (2013). *The Fundamental Values of Academic Integrity*. <https://www.academicintegrity.org/wp-content/uploads/2017/12/Fundamental-Values-2014.pdf>
- ICAI. (2021). *The Fundamental Values of Academic Integrity (3rd ed.)*. International Center for Academic Integrity. [www.academicintegrity.org/the-fundamental-values-of-academic-integrity](http://www.academicintegrity.org/the-fundamental-values-of-academic-integrity)
- Jones, D. L. (2011). Academic dishonesty: Are more students cheating? *Business Communication Quarterly*, 74(2), 141-150.
- Kiến Văn. (2019). Phó Giáo sư Trần Thị Kim Oanh có đạo văn không? (20/12/2019). Retrieved 17/12/2019 from <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/pho-giao-su-tran-thi-kim-oanh-co-dao-van-khong-post205540.gd>
- Kohlberg, L. (1969). *Stage and sequence; The cognitive-developmental approach to socialization*.
- Landa-Blanco, M., Santos-Midence, C., & Blanco, A. L. (2020). Academic integrity: attitudes and practices of students of a public university in Honduras. *Academia*(20-21), 202-217.
- Lupton, R. A., Chapman, K. J., & Weiss, J. E. (2000). International perspective: A cross-national exploration of business students' attitudes, perceptions, and tendencies toward academic dishonesty. *Journal of Education for Business*, 75(4), 231-235.
- Maramark, S. (1993). *Academic dishonesty among college students*. US Department of Education, Office of Educational Research and Improvement ....
- McCabe, D. L. (2005). It Takes a Village: Academic Dishonesty & Educational Opportunity. *Liberal education*, 91(3), 26-31.
- McCabe, D. L., Butterfield, K. D., & Trevino, L. K. (2006). Academic dishonesty in graduate business programs: Prevalence, causes, and proposed action. *Academy of Management Learning & Education*, 5(3), 294-305.
- McCabe, D. L., Feghali, T., & Abdallah, H. (2008). Academic dishonesty in the Middle East: Individual and contextual factors. *Research in Higher Education*, 49(5), 451-467.
- McCabe, D. L., & Trevino, L. K. (1997). Individual and contextual influences on academic dishonesty: A multicampus investigation. *Research in higher education*, 38(3), 379-396.
- McCabe, D. L., Trevino, L. K., & Butterfield, K. D. (2001a). Cheating in academic institutions: A decade of research. *Ethics & Behavior*, 11(3), 219-232.
- McCabe, D. L., Trevino, L. K., & Butterfield, K. D. (2001b). Dishonesty in academic environments: The influence of peer reporting requirements. *The Journal of Higher Education*, 72(1), 29-45.
- McCabe, D. L., Trevino, L. K., & Butterfield, K. D. (2002). Honor codes and other contextual influences on academic integrity: A replication and extension to modified honor code settings. *Research in higher Education*, 43(3), 357-378.
- Nga Đỗ. (2021). Liêm chính học thuật và một nền khoa học có trách nhiệm: cần nỗ lực từ nhiều phía. Người đô thị. <https://nguoidothi.net.vn/liem-chinh-hoc-thuat-va-mot-nen-khoa-hoc-co-trach-nhiem-can-no-luc-tu-nhieu-phia-29699.html>
- Nghiêm Huệ. (2018). Kết luận nông ‘nghi án’ đạo văn luận án tiến sĩ (26/02/2018). Retrieved 17/12/2019 from <https://www.tienphong.vn/giao-duc/ket-luan-nong-nghi-an-dao-van-luan-an-tien-si-1244781.tpo>
- Ngọc Mai. (2018). “Nỡ rộ” dịch vụ học thuê: Chất lượng những tấm bằng sẽ về đâu? (14/11/2018). Retrieved 30/12/2019 from <https://baophapluat.vn/giao-duc/no-ro-dich-vu-hoc-thue-chat-luong-nhung-tam-bang-se-ve-dau-423389.html>
- Nguyễn Kiều Dung. (2022). Liêm chính học thuật và những nguyên tắc cơ bản đối với Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*. Retrieved 26/03/2022 from <http://vjst.vn/vn/tin-tuc/5933/liem-chinh-hoc-thuat-va-nhung-nguyen-tac-co-ban-doi-voi-viet-nam.aspx>
- Nguyễn Minh Anh. (2019a). Báo động tình trạng liêm chính học thuật theo kiểu “không hướng dẫn, vẫn... có quyền đứng tên chung” (25/01/2019). Retrieved 17/12/2019 from <http://baophunuthudo.vn/article/29304/176/bao-dong-tinh-trang-liem-chinh-hoc-thuat-theo-kieu-khong-huong-dan-van-co-quyen-dung-ten-chung>
- Nguyễn Minh Anh. (2019b). Trờ lại vụ ông Nguyễn Đức Tồn đạo văn vẫn được phong Giáo sư: Vấn đề liêm chính khoa học chứ không phải tranh chấp bản quyền, chia nhuận bút! (22/01/2019). <http://baophunuthudo.vn/article/29233/176/van-de-liem-chinh-khoa-hoc-chu-khong-phai-tranh-chap-ban-quyen-chia-nhuan-but>
- Nguyễn Thị Nga, & Hoàng Thu Trang. (2021). Thực hiện liêm chính trong nghiên cứu khoa học tại Việt Nam hiện nay-Thực trạng và giải pháp. *Tuyên giáo-Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung Ương*. <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/khoa-hoc/thuc-hien-liem-chinh-trong-nghien-cuu-khoa-hoc-tai-viet-nam-hien-nay-thuc-trang-va-giai-phap-125597>
- Nhóm PV. (2019). Bà Vũ Thị Sao Chi vi phạm liêm chính học thuật như thế nào? (16/08/2019). Retrieved 17/12/2019

- from <https://tamnhin.net.vn/ba-vu-thi-sao-chi-vi-pham-liem-chinh-hoc-thuat-nhu-the-nao-75263.html>
- Nonis, S., & Swift, C. O. (2001). *An examination of the relationship between academic dishonesty and workplace dishonesty: A multicampus investigation*. *Journal of Education for Business*, 77(2), 69-77.
- Phuong Anh. (2010). *Liêm chính trong học thuật (14/06/2010)*. Retrieved 17/12/2019 from <http://tiasang.com.vn/-khoa-hoc-cong-nghe/liem-chinh-trong-hoc-thuat-3193>
- Thiên Ân. (2022). *Công khai bán luận án TS 100 trang giá 30 triệu, điểm không cao “hoàn tiền”*. <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/cong-khai-ban-luan-an-ts-100-trang-gia-30-trieu-diem-khong-cao-hoan-tien-post226591.gd?s=cl&fs=e>
- Thu Quỳnh. (2019). *Đạo đức học thuật trong KHXH&NV và những khoảng trống (09/01/2019)*. Retrieved 17/12/2019 from <http://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/Dao-duc-hoc-thuat-trong-KHXHNV-va-nhung-khoang-trong-14104>
- Trevino, L. K. (1986). *Ethical decision making in organizations: A person-situation interactionist model*. *Academy of management review*, 11(3), 601-617.
- Trường Đại học Bách Khoa (ĐH ĐÀ NẴNG). (2017). *Quyết định số 29/QĐ-ĐHBK Ban hành Quy định về liêm chính học thuật của Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng*.
- Trường Đại học Hoa Sen. (2013). *Quyết định số 1741/QĐ-BGH. Ngày 08/10/2013. Ban hành Quy định về Liêm chính học thuật*. In.
- Vũ Công Giao. (2018). “*Liêm chính học thuật*”: *Lý luận, thực tiễn và những yêu cầu đặt ra trên thế giới và ở Việt Nam*. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 6(238), 3-17. <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207018>
- Yang, S. C., Chiang, F. K., & Huang, C. L. (2017). *A comparative study of academic dishonesty among university students in Mainland China and Taiwan*. *Asia Pacific Education Review*, 18(3), 385-399.